

THEME 9: TECHNOLOGY

Lesson 1

I. Học sinh cần nắm được các từ vựng sau:

- Các em hãy viết các từ vựng sau vào vở, sử dụng từ điển để nghe phát âm của từ.

* New words

1. memory (n): bộ nhớ
2. weigh (v): nặng, cân nặng
3. screen (n): màn hình
4. battery (n): pin
5. inch (n): in (đơn vị chiều dài Anh bằng 2,54 cm)
6. gigabyte (GB) (n): gigabyte (đơn vị để tính dung lượng bộ nhớ)
7. tablet (n): máy tính bảng

II. Sử dụng các từ vựng đã học để làm bài tập sau:

- Các em hãy sử dụng các từ vựng đã học để điền vào chỗ trống thích hợp.



New Words

a. Fill in the blanks. Check with a partner. Listen and repeat.

memory weigh screen battery inch (") gigabyte (GB) tablet

1. This is a tablet. It costs \$400.
2. The ? lasts for 10 hours.
3. One ? is 2.54 cm.
4. The ? is 9.7 inches.
5. The ? is how much information a laptop, a computer etc. can hold.
6. Laptops usually ? more than phones.
7. A ? is a unit of measurement for computer information.

- Gọi ý trả lời:

2. battery

3. inch

4. screen

5. memory

6. weigh

7. gigabyte

III. Useful language

- Các em hãy viết cuộc hội thoại sau vào vở và luyện nói.



How big is the screen?

It's 10 inches.

How long does the battery last?

It lasts 40 hours.

How much memory does it have?

It has 32 gigabytes.

I'll buy the XO Tab because it has a bigger screen.

IV. Làm bài tập áp dụng

* Choose the best answers (Chọn đáp án đúng nhất.)

1.is a small device which produces electricity to power a computer or tablet.

A. screen B. battery C. memory D. Weigh

2.is a unit that is equal to 2.5 centimeters, used for measuring length.

A. inch B. byte C. gigabyte D. liter

3.is the part of a computer where pictures and words are shown.

A. battery B. tablet C. screen D. memory

4. This tablet is very light. It only.....365 grams.

A. height

B. weigh

C. last

D. have

5. It has 128 gigabytes of.....

A. screen size

B. weight

C. battery life

D. memory

* Gợi ý trả lời

1. B

2. A

3. C

4. B

5. D